

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2019 CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Kèm theo Công văn số: 3.182/DKVN-KTĐT ngày 09/7/2019
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 (đối với Công ty mẹ) của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 247/QĐ-UBQLV ngày 01/7/2019.

1. Mục tiêu và nhiệm vụ:

- Hoàn thành các nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền giao và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.
- Thực hiện công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn theo quy định của pháp luật.
- Nâng cao năng suất, hiệu quả lao động; cải thiện thu nhập cho người lao động trên cơ sở gắn với kết quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu (với phương án giá dầu thô là 65 USD/thùng):

a. Sản lượng sản xuất:

- Dầu thô, condensate: 3,83 triệu tấn.
- Khí: 1,76 tỷ m³.

b. Tổng doanh thu: 127.962 tỷ đồng

Trong đó: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - PVN (không bao gồm doanh thu từ hoạt động bao tiêu, phân phối sản phẩm của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn) là 43.658 tỷ đồng.

c. Lợi nhuận sau thuế: 19.918 tỷ đồng

(không bao gồm lợi nhuận từ hoạt động bao tiêu, phân phối sản phẩm của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn)

d. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân: 5,43%

đ. Các khoản nộp ngân sách nhà nước: 19.422 tỷ đồng.

e. Kế hoạch vốn đầu tư tối đa không quá: 27.658 tỷ đồng

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch:

Các giải pháp triển khai kế hoạch thực hiện theo Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ về Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của PVN; Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 12/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của PVN đến năm 2020 và các giải pháp được PVN đề xuất tại văn bản số 1860/DKVN-KTĐT ngày 05/4/2019.

với năm 2016. Năm 2018 đạt 339,6 nghìn tỷ đồng, vượt 22% kế hoạch năm và tăng 16% so với năm 2017.

- Trong 03 năm qua, tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2016 đạt 16,6 nghìn tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch năm. Năm 2017 đạt 38,3 nghìn tỷ đồng, vượt gấp 2,3 lần kế hoạch năm. Năm 2018 đạt 41,9 nghìn tỷ đồng, vượt 120% kế hoạch năm.

1.1.2.3 Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

- Tổng doanh thu của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong 03 năm qua đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2016 đạt 45,4 nghìn tỷ đồng, vượt 31% kế hoạch năm. Năm 2017 đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, vượt 31% kế hoạch năm và tăng 29% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 73,6 nghìn tỷ đồng, vượt 86% kế hoạch năm và tăng 26% so với năm 2017.
- Trong 03 năm qua, tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ - PVN đều hoàn thành vượt kế hoạch năm: Năm 2016 đạt 27,5 nghìn tỷ đồng, vượt 62% kế hoạch năm. Năm 2017 đạt 37,5 nghìn tỷ đồng, vượt gấp 2,5 lần kế hoạch năm và tăng 37% so với năm 2016. Năm 2018 đạt 28,8 nghìn tỷ đồng, vượt 71% kế hoạch năm.
- Hệ số bảo toàn vốn qua các năm 2016, 2017, 2018 đều được đảm bảo an toàn và phát triển vốn: tại 31/12/2016 là 1,01 lần, tại 31/12/2017 là 1,03 lần và tại 31/12/2018 là 1,02 lần.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu qua các năm 2016, 2017, 2018 đều được bảo đảm an toàn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của PVN: tại 31/12/2016 là 0,25 lần, tại 31/12/2017 là 0,27 lần và tại 31/12/2018 là 0,33 lần.

1.2 Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

Hàng tháng, PVN đều có báo cáo Ban chỉ đạo Nhà nước các dự án trọng điểm và Dầu khí, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về tình hình thực hiện các dự án trọng điểm của ngành dầu khí. Đây là những dự án/báo cáo mật nên PVN xin phép không đề cập tại đây.

1.3 Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm

1.3.1 Lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí

Tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí là lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PVN và luôn được ưu tiên triển khai tích cực. Tuy nhiên, trong 3 năm qua, công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí gặp nhiều khó khăn, các lô dầu khí mở có tiềm năng dầu khí hạn chế, trữ lượng nhỏ, nằm tại vùng nước sâu, xa bờ hoặc có cấu trúc địa chất phức tạp, các nhà đầu tư ít hoặc không quan tâm đến các lô hợp đồng dầu khí mới do các quy định của Luật Dầu khí đang áp dụng không còn phù hợp với tiềm năng dầu khí hiện tại và xu hướng phát triển sắp tới của ngành dầu khí; thách thức lớn từ việc gia tăng trữ lượng dầu khí để bù đắp vào sản lượng khai thác, đảm bảo sự phát triển bền vững của PVN từ 2016 đến nay ... trong khi sự can thiệp của nước ngoài ở cụm phát hiện Cá Rồng Đỏ lô 07/03 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động phát triển mỏ của PVN... Xác định những khó khăn nêu trên, các nhà thầu/đơn vị tập trung rà soát các hạng mục công việc và chi phí, đảm bảo hiệu quả, tối ưu dòng tiền phù hợp với từng loại hình dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển khai thác.

Công tác quản trị đầu tư còn một số tồn tại như: (i) Công tác thẩm định/phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư ở nhiều dự án còn chậm; (ii) Việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư các lô hợp đồng dầu khí đã thực hiện trong quá khứ còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu do hồ sơ liên quan của các đơn vị/chủ đầu tư/nhà thầu trình PVN chưa đầy đủ và cần nhiều tài liệu bổ sung, thuyết minh dẫn đến công tác thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh, hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án kéo dài.

Việc thu xếp vốn và giải ngân vốn vay cho các dự án tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do một số dự án không nằm trong diện được bảo lãnh của Chính phủ, không được tiếp cận với những nguồn vốn ưu đãi.

1.3.8 Công tác chuyển đổi và tái cấu trúc doanh nghiệp

Ba năm qua, PVN tiếp tục triển khai công tác chuyển đổi và tái cấu trúc doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 và số 1011/QĐ-TTg ngày 03/7/2015, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1182/TTg-ĐMDN ngày 11/8/2017 về Phê duyệt danh mục doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2017-2020.

Về công tác thoái vốn: PVN đã hoàn thành thoái vốn tại Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam, Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn.

Về công tác cổ phần hóa doanh nghiệp: PVN đã cổ phần hóa thành công 03 đơn vị thành viên, gồm: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, thu về thặng dư khoảng 7.450 tỷ đồng cho nhà nước.

Trong năm 2018, PVN đã hoàn thành công tác tái cơ cấu bộ máy điều hành tại Công ty mẹ - PVN, tinh giảm biên chế sau khi tái cấu trúc PVN.

1.3.9 Công tác khoa học công nghệ và đào tạo

- *Công tác khoa học công nghệ*: PVN hoàn thành thẩm định và ban hành 02 bộ định mức về tiêu hao nhiên liệu thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu của Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam và Định mức đọc phản biện các báo cáo RAR, ODP, FDP; Hoàn thành sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý hao hụt sản phẩm lỏng; Ban hành Quy chế Quản lý khoa học.
- *Công tác đào tạo*: tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo đúng kế hoạch đề ra; Hoàn thành xây dựng Chiến lược Đào tạo – Phát triển nguồn nhân lực Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035; Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo bắt buộc, có tính hệ thống dành cho cán bộ quản lý/cán bộ nguồn và CBCNV; Duy trì việc hợp tác đào tạo với các đối tác đào tạo nước ngoài; Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của PVN,

1.3.10 Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, thanh tra và pháp chế

- *Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường*: công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ được đảm bảo, an toàn. PVN chủ động tổ chức kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị thành viên chấp hành nghiêm túc công tác phòng cháy, chữa cháy trong các dịp lễ tết; Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động tốt Hệ thống phần mềm, văn phòng trực tình huống khẩn cấp; Duy trì chế độ trực 24/24 giờ tại Văn phòng trực các tình huống khẩn cấp. Đối với các công trình trọng điểm, tăng cường kiểm tra

- Tình hình biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp do các hoạt động quân sự gián tiếp của các nước lớn, trong khi nguồn vốn để thực hiện công tác tìm kiếm thăm dò gặp khó khăn do cơ chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Tìm kiếm thăm dò dầu khí chưa được ban hành đã tác động trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí của PVN, ảnh hưởng đến việc kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư tìm kiếm thăm dò dầu khí ở các lô còn mở của PVN.
- Các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho PVN thực hiện các mục tiêu chiến lược chưa được ban hành đầy đủ, kịp thời.
- Việc bảo lãnh vay vốn, thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của PVN gặp nhiều khó khăn.
- Tác động tiêu cực từ các sự vụ trong năm 2017 và một số vụ việc liên quan từ những đơn vị thành viên của PVN trong năm 2018 tiếp tục ảnh hưởng đến thương hiệu của PVN và tư tưởng của CBCNV.
- Thị trường dịch vụ dầu khí chưa phục hồi, các đơn vị dịch vụ gặp khó khăn trong mở rộng và tìm kiếm thị trường, ảnh hưởng tới việc làm của người lao động, ...

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1	Sản phẩm sản xuất chủ yếu					
a)	Gia tăng trữ lượng	Triệu tấn quy đổi	16,66	4,0	12,0	
b)	Khai thác dầu khí	Triệu tấn quy đổi	27,84	25,41	23,98	23,00
	Dầu thô	Triệu tấn	17,23	15,52	13,97	12,92
	- Trong nước	Triệu tấn	15,20	13,57	12,0	10,94
	- Nước ngoài	Triệu tấn	2,03	1,95	1,98	1,98
	Khí	Tỷ m ³	10,61	9,89	10,01	10,08
c)	Sản xuất các sản phẩm khác					
	Urea	Nghìn tấn	1.622,2	1.649,1	1.628,0	1.643,8
	Điện	Tỷ Kwh	21,13	20,58	21,01	21,75
	Sản phẩm xăng dầu	Nghìn tấn	6.864,4	6.239,2	9.403,2	11.398,5
2	Tổng doanh thu toàn Tập đoàn	Nghìn tỷ đồng	452,5	498,0	626,8	667,2
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Nghìn tỷ đồng	16,6	38,3	47,1	
4	Nộp ngân sách toàn Tập đoàn	Nghìn tỷ đồng	90,3	97,5	121,3	94,8
5	Thực hiện đầu tư phát triển	Tỷ đồng	47.283	39.154	36.110	44.005
a)	- Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	24.745	29.126	29.121	
b)	- Vốn vay	Tỷ đồng	15.690	10.028	6.989	
c)	- Vốn khác	Tỷ đồng	6.848	-	-	

2.3.2 Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất (DQS)

DQS là một trong các công ty kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, tình hình sản xuất kinh doanh của DQS khó khăn, có nhiều tồn tại về tổ chức, tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Lũy kế đến thời điểm 31/12/2018 vốn chủ sở hữu âm 1.259,7 tỷ đồng, đơn vị không bảo toàn được vốn đầu tư của Chủ sở hữu.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản: - 0,02%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu: - 0,08%
- Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2018 là 421,2 tỷ đồng, tương đương 94% so với năm trước.
- Lỗ (29,9) tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước lỗ tăng thêm 139% (năm 2017 lãi 21,6 tỷ đồng)
- Các nguyên nhân chính dẫn đến thua lỗ của DQS là do các tồn tại, hạn chế từ trước khi chuyển giao từ Vinashin sang PVN để lại những chi phí phát sinh tiềm ẩn rất lớn như: việc đầu tư dàn trải, thiếu đồng bộ của Vinashin dẫn đến nhiều tài sản không sử dụng và sử dụng không hết công suất; chi phí tài chính rất lớn; các sản phẩm dở dang, còn nhiều thiếu sót về thiết kế, lỗi kỹ thuật trong thi công; máy móc thiết bị tồn kho nhiều nhưng chưa có nhu cầu sử dụng và theo thời gian bị giảm giá trị; việc xác định nhu cầu đóng tàu để lập dự án thiếu chính xác nên Vinashin đã xây dựng nhà máy thừa công suất so với thực tế hiện nay.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: -5,4 lần cho thấy đơn vị đang mất khả năng thanh toán.

2.3.3 Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOil)

- Tính cho cả năm 2018 (bao gồm giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty TNHH MTV và công ty CP), doanh thu và thu nhập năm 2018 của Công ty mẹ PVOil đạt 34.429 tỷ đồng vượt 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 442,4 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 318,4 tỷ đồng, giảm 27% so với lợi nhuận sau thuế năm trước.
- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2018 là 10.158 tỷ đồng giảm 39 tỷ đồng tương đương 0,4% so với đầu kỳ (10.158/10.883 tỷ đồng) chủ yếu do việc điều chỉnh vốn điều lệ khi thực hiện cổ phần hóa.
- Lỗ lũy kế Công ty mẹ tính đến 31/12/2018 là 184 tỷ đồng tương ứng giảm 250 tỷ đồng so với đầu năm (tại 31/12/2017 lỗ lũy kế là 435 tỷ đồng).
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: ROE: 3,13%, ROA: 1,52%.
- Tổng tài sản của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2018 là 21.014,8 tỷ đồng, giảm 1.270 tỷ đồng so với đầu năm.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu 1,07 lần cho thấy đơn vị đảm bảo an toàn cho sản xuất và phát triển.

2.3.4 Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PVPower)

- Tính cho cả năm 2018 (bao gồm giai đoạn hoạt động dưới hình thức công ty TNHH MTV và công ty CP), doanh thu và thu nhập năm 2018 của Công ty mẹ - PVPower đạt 24.217 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 2.661,8 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 2.500,6 tỷ đồng. So với năm 2017, kết quả kinh doanh của PVPower đều tăng hơn so với cùng kỳ, trong đó doanh thu tăng 11,92%, lợi nhuận trước thuế tăng 29,42%, lợi nhuận sau thuế tăng 26,97%.

2.3.8 Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex)

PVTex vận hành Nhà máy xơ sợi Đình Vũ là một trong các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, tình hình tài chính của PVTex khó khăn, có thời gian nhà máy đóng cửa, bị lỗ liên tục từ khi vận hành đến nay.

- Tại 31/12/2018 số liệu theo BCTC riêng của đơn vị như sau: Vốn chủ sở hữu: - 2.497,37 tỷ đồng; Tổng tài sản: 5.226,76 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế tại 31/12/2018: -701,89 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2018 là 50,84 tỷ đồng.
- Năm 2018, Công ty bị lỗ: 701,89 tỷ đồng, tăng lỗ 18% so với cùng kỳ năm 2017.
- Lỗ phát sinh trong năm 2018 của Công ty chủ yếu là do: khấu hao tài sản nhà máy, chênh lệch tỷ giá, lãi vay phải trả trong kỳ.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): -28%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): -13%
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: -3,10 lần cho thấy đơn vị đang mất khả năng thanh toán.

2.3.9 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)

- Tổng doanh thu năm 2018 là 9.017 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước (9.017 / 7.518 tăng 1.499 tỷ đồng).
- Giá vốn hàng bán năm 2018 là 7.193 tỷ đồng tăng 32% so với cùng kỳ năm trước (7.193/5.453 tăng 1.740 tỷ đồng) nguyên nhân giá vốn tăng chủ yếu do giá khí bình quân đầu vào năm 2018 tăng 25% so với cùng kỳ năm trước (6,36/5,08 USD/MMBTU) và tăng khoản khấu hao tổ hợp dự án NH3-NPK (dự án đã nhận bàn giao hiện trạng và đưa vào vận hành sản xuất: dự án NH3 đưa vào sản xuất từ 24/01/2018 và dự án NPK đưa vào sản xuất từ 10/8/2018).
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 715 tỷ đồng, lợi nhuận hầu như không thay đổi so với năm 2017 (715/713 tỷ đồng).
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: ROA năm 2018 là 6,94% giảm 7% so với cùng kỳ năm trước (6,94%/7,5%); ROE năm 2018 là 8,93% hầu như không thay đổi so với cùng kỳ năm trước (8,93%/8,94%).
- Vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2018 là 8.132 tăng 3% so với đầu kỳ (8.132/ 7.892 tăng 240 tỷ đồng)
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu 0,32 lần cho thấy đơn vị đảm bảo an toàn cho sản xuất và phát triển.

2.3.10 Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam(PVC)

- Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2018 đạt 2.318,27 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,1% so với cùng kỳ năm trước (2.318,27 tỷ đồng/2.226,29 tỷ đồng).
- Năm 2018, đơn vị tiếp tục bị lỗ (123,86) tỷ đồng và giảm lỗ 242 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (năm 2018 lỗ 365,9 tỷ đồng).
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty còn nhiều hạn chế và tồn tại, tiềm ẩn rất nhiều rủi ro ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo như: việc triển khai hợp đồng EPC tại Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu,...
- Tại 31/12/2018 vốn chủ sở hữu là 700,19 tỷ đồng, giảm 15% so với thời điểm đầu năm (700,19/824,05) như vậy đơn vị đã không bảo toàn được vốn.

2.3.13 Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)

- Tổng doanh thu năm 2018 là 3.209,9 tỷ đồng, tăng 521,9 tỷ đồng tương đương tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2017 (3.209,9/2.597,7 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu về dịch vụ vận tải tăng 379,3 tỷ đồng và doanh thu về dịch vụ hàng hải dầu khí tăng 223,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 578,7 tỷ đồng; tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước (578,7/488,4 tỷ đồng).
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời cho thấy hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của đơn vị đạt khá tốt: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 13,35% (cùng kỳ năm trước: 11,42%); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 6,91% (cùng kỳ năm trước: 6,03%).
- Vốn chủ sở hữu công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2018 là 3.618,69 tỷ đồng, tăng 5,2% so với đầu năm (3.618,9/3.440,7 tỷ đồng). Hệ số bảo toàn vốn: 1,05 (cùng kỳ năm trước: 1,02)
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 là 6.993,9 tỷ đồng, tăng 7,4% so với đầu năm (6.993,9/6.514,3 tỷ đồng).
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,93 (cùng kỳ năm trước: 0,89) cho thấy đơn vị đảm bảo an toàn cho sản xuất và phát triển.

2.3.14 Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)

- Tổng doanh thu của Công ty mẹ năm 2018 đạt 3.348 tỷ đồng, giảm 117 tỷ đồng tương đương giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 69 tỷ đồng và giảm 179 tỷ đồng (giảm 72%) so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 47 tỷ đồng, giảm 60,5 tỷ đồng (giảm 57%) so với năm 2017.
- Kết quả kinh doanh 2018 giảm sút do Biển Đông POC dừng chiến dịch khoan trước thời hạn và dự án Cá Rồng Đỏ bị trì hoãn nên khối lượng công việc bị cắt giảm.
- Do lợi nhuận trong kỳ thấp, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tài sản (ROA) chỉ đạt tương ứng 0,53% và 0,47%.
- Tổng tài sản tại 31/12/2018 đạt 14.313 tỷ đồng, giảm 736,3 tỷ đồng (giảm 5%) so với đầu năm.
- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2018 đạt 13.091 tỷ đồng, tăng 294 tỷ đồng (tăng 2%) so với đầu năm, hệ số bảo toàn vốn 1,02 cho thấy đơn vị đã bảo toàn và phát triển được vốn.
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,09 cho thấy đơn vị đảm bảo an toàn cho sản xuất và phát triển.

2.3.15 Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC)

- Tổng doanh thu năm 2018 là 2.100,1 tỷ đồng, giảm 657,1 tỷ đồng tương đương giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2017 (2.100,1/2.757,3 tỷ đồng). Nguyên nhân doanh thu giảm so với cùng kỳ năm 2017 chủ yếu do BSR điều chỉnh sản lượng hợp đồng bao tiêu sản phẩm PP với DMC từ tháng 9/2018 (giảm khoảng 200 tỷ đồng so với kế hoạch xây dựng ban đầu) và giảm kinh doanh lưu huỳnh nhập khẩu.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 42,6 tỷ đồng, tăng 29 tỷ đồng, tăng 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước (42,6/18 tỷ đồng).
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: 1,15 (cùng kỳ năm trước: 1,5) cho thấy đơn vị đảm bảo an toàn cho sản xuất và phát triển.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): 4,47% (cùng kỳ năm trước: 2,62%).

BIỂU SỐ 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Ước thực hiện năm 2019		
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn (%)	Tổng vốn đầu tư của PVN (tỷ đồng)
I	Các công ty con do PVN nắm giữ 100% vốn điều lệ												
1	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	59.700	100	59.700	59.700	100	59.700	59.700	100	59.700	100	59.700	
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	1.991	100	1.991	1.991	100	1.991	1.991	100	1.991	100	1.991	
II	Các công ty con do PVN nắm giữ quyền kiểm soát												
3	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	10.884	100	10.884	10.884	100	10.884	10.342	80,52	8.328	10.342	80,52	
4	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	21.774	100	21.774	21.774	100	21.774	23.419	79,94	18.721	23.419	79,94	
5	Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	29.315	100	29.315	28.602	100	29.730	31.005	92,13	28.564	31.005	92,13	
6	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	19.140	95,79	18.328	19.140	95,79	18.328	19.140	95,79	18.328	19.140	95,79	
7	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	5.294	75,56	4.000	5.294	75,56	4.000	5.294	75,56	4.000	5.294	75,56	

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2018
CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Kèm theo Công văn số 5182/DKVN-KTĐT ngày 09/7/2019
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với kế hoạch	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	(tấn, kg)			%	%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	(tấn, kg)				
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng			%	%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng			%	%

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường
2. **Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội: thực hiện an sinh xã hội đạt 250 tỷ đồng.**
3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.
5. Quan hệ tốt với người lao động
6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.